

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27-02-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng.

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2018/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Ông **Trịnh Đình T**, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 29/01/2018 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Hồng T trình bày:* Bà và ông Trịnh Đình T tự nguyện kết hôn năm 1986 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ĐD. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, không hòa hợp, bất đồng dẫn đến cự cãi không thể tự thương lượng, giải quyết với nhau nên ly thân hơn 10 năm nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Quá trình chung sống bà và ông T có 02 con tên Trịnh Bích T, sinh năm 1989 và Trịnh Trung H, sinh năm 1997. Hiện hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có.

- *Tại đơn xin từ chối tham gia giải quyết vụ án ngày 02/02/2018 ông Trịnh Đình T trình bày:*

Về hôn nhân ông đồng ý ly hôn.

Về con chung đúng như bà T trình bày, đồng ý không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia.

Về nợ không có.

Hiện ông bận công việc không đến Tòa án được nên từ chối tham gia giải quyết vụ án kể từ ngày làm đơn đến khi kết thúc vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của ông T có đơn xin vắng mặt không tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T thì thấy rằng: Bà T và ông T tự nguyện kết hôn năm 1986 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ĐD, huyện Đầm Dơi nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Quá trình chung sống bà T cho rằng mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống, đã ly thân hơn 10 năm nay nên yêu cầu được ly hôn. Đối với ông T thống nhất đồng ý ly hôn với bà T. Điều này cho thấy quá trình chung sống giữa bà T và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không còn khả năng hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được theo bà T trình bày là có cơ sở, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông T có 02 con chung tên Trịnh Bích T, sinh năm 1989 và Trịnh Trung H, sinh năm 1997. Hiện hai con đã trưởng thành nên ông bà không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung ông bà tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T. Cho bà Nguyễn Hồng T được ly hôn với ông Trịnh Đình T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Bích T, sinh năm 1989 và Trịnh Trung H, sinh năm 1997 hiện đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu xem xét, giải quyết

- Tài sản và nợ không đặt ra xem xét, giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình bà T phải chịu 300.000 đồng, bà T dự nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai số 0009482 ngày 29/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi nay được chuyển thu, bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên